

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 881.../BVĐHYD-HC

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5. năm 2022

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh mời Quý nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ chuyển phát hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm năm 2022 - 2023 báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị Quý nhà cung cấp gửi file word/excel và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về Phòng Hành chính, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá bao gồm: Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có).

- Thời gian nhận báo giá: Đến hết ngày 20 / 5 / 2022

- Điện thoại liên hệ: 028 3952 5345 (CN. Nguyễn Thị Diệu Linh).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: HC (J07-190-ntdlinh) (2).



Phạm Văn Tấn

(Kèm theo Công văn mời chào giá số 881/BVĐHYD-HC ngày 12... / 5... / 2022)

(Kèm theo Công văn mời chào giá số 881/BVĐHYD-HC ngày 12... / 5... / 2022)

TT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú																																																																																																																																																																								
1	Cung cấp dịch vụ chuyển phát hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm trong nước	- Số lượng hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm chi tiết: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Khối lượng (kg)</th><th>Vùng 1</th><th>Vùng 2</th><th>Vùng 3</th><th>Vùng 4</th><th>Vùng 5</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>0.00 - 0.05</td><td>650</td><td>210</td><td>10</td><td>90</td><td>45</td></tr> <tr><td>0.06 - 0.10</td><td>1,305</td><td>770</td><td>30</td><td>260</td><td>130</td></tr> <tr><td>0.11 - 0.25</td><td>295</td><td>185</td><td>10</td><td>45</td><td>20</td></tr> <tr><td>0.26 - 0.50</td><td>130</td><td>55</td><td>0</td><td>45</td><td>15</td></tr> <tr><td>0.51 - 1.00</td><td>85</td><td>45</td><td>0</td><td>25</td><td>5</td></tr> <tr><td>1.01 - 1.50</td><td>20</td><td>15</td><td>0</td><td>10</td><td>5</td></tr> <tr><td>1.51 - 2.00</td><td>40</td><td>25</td><td>0</td><td>5</td><td>5</td></tr> <tr><td>2.01 - 2.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>5</td><td>5</td></tr> <tr><td>2.51 - 3.00</td><td>50</td><td>40</td><td>0</td><td>5</td><td>5</td></tr> <tr><td>3.01 - 3.50</td><td>5</td><td>10</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>3.51 - 4.00</td><td>35</td><td>40</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>4.01 - 4.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>4.51 - 5.00</td><td>25</td><td>35</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>5.01 - 5.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>5.51 - 6.00</td><td>25</td><td>20</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>6.01 - 6.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>6.51 - 7.00</td><td>40</td><td>40</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>7.01 - 7.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>7.51 - 8.00</td><td>50</td><td>50</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>8.01 - 8.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>8.51 - 9.00</td><td>55</td><td>30</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>9.01 - 9.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>9.51 - 10.00</td><td>95</td><td>95</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>10.01 - 10.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>10.51 - 11.00</td><td>30</td><td>25</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>11.01 - 11.50</td><td>5</td><td>5</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>11.51 - 12.00</td><td>10</td><td>20</td><td>0</td><td>3</td><td>3</td></tr> </tbody> </table> Trong đó: + Vùng 1: Thành phố Hồ Chí Minh. + Vùng 2: Bà Rịa – Vũng tàu, Bến Tre, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Tiền Giang, An Giang, Bạc Liêu, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đắk	Khối lượng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	0.00 - 0.05	650	210	10	90	45	0.06 - 0.10	1,305	770	30	260	130	0.11 - 0.25	295	185	10	45	20	0.26 - 0.50	130	55	0	45	15	0.51 - 1.00	85	45	0	25	5	1.01 - 1.50	20	15	0	10	5	1.51 - 2.00	40	25	0	5	5	2.01 - 2.50	5	5	0	5	5	2.51 - 3.00	50	40	0	5	5	3.01 - 3.50	5	10	0	3	3	3.51 - 4.00	35	40	0	3	3	4.01 - 4.50	5	5	0	3	3	4.51 - 5.00	25	35	0	3	3	5.01 - 5.50	5	5	0	3	3	5.51 - 6.00	25	20	0	3	3	6.01 - 6.50	5	5	0	3	3	6.51 - 7.00	40	40	0	3	3	7.01 - 7.50	5	5	0	3	3	7.51 - 8.00	50	50	0	3	3	8.01 - 8.50	5	5	0	3	3	8.51 - 9.00	55	30	0	3	3	9.01 - 9.50	5	5	0	3	3	9.51 - 10.00	95	95	0	3	3	10.01 - 10.50	5	5	0	3	3	10.51 - 11.00	30	25	0	3	3	11.01 - 11.50	5	5	0	3	3	11.51 - 12.00	10	20	0	3	3	Gói	01	
Khối lượng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5																																																																																																																																																																								
0.00 - 0.05	650	210	10	90	45																																																																																																																																																																								
0.06 - 0.10	1,305	770	30	260	130																																																																																																																																																																								
0.11 - 0.25	295	185	10	45	20																																																																																																																																																																								
0.26 - 0.50	130	55	0	45	15																																																																																																																																																																								
0.51 - 1.00	85	45	0	25	5																																																																																																																																																																								
1.01 - 1.50	20	15	0	10	5																																																																																																																																																																								
1.51 - 2.00	40	25	0	5	5																																																																																																																																																																								
2.01 - 2.50	5	5	0	5	5																																																																																																																																																																								
2.51 - 3.00	50	40	0	5	5																																																																																																																																																																								
3.01 - 3.50	5	10	0	3	3																																																																																																																																																																								
3.51 - 4.00	35	40	0	3	3																																																																																																																																																																								
4.01 - 4.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
4.51 - 5.00	25	35	0	3	3																																																																																																																																																																								
5.01 - 5.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
5.51 - 6.00	25	20	0	3	3																																																																																																																																																																								
6.01 - 6.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
6.51 - 7.00	40	40	0	3	3																																																																																																																																																																								
7.01 - 7.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
7.51 - 8.00	50	50	0	3	3																																																																																																																																																																								
8.01 - 8.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
8.51 - 9.00	55	30	0	3	3																																																																																																																																																																								
9.01 - 9.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
9.51 - 10.00	95	95	0	3	3																																																																																																																																																																								
10.01 - 10.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
10.51 - 11.00	30	25	0	3	3																																																																																																																																																																								
11.01 - 11.50	5	5	0	3	3																																																																																																																																																																								
11.51 - 12.00	10	20	0	3	3																																																																																																																																																																								

TT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Nông, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Khánh Hòa. + Vùng 3: Thành phố Đà Nẵng. + Vùng 4: Thành phố Hà Nội. + Vùng 5: Bắc Kạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Định, Cà Mau, Cao Bằng, Điện Biên, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái. - Đảm bảo tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm tại Bệnh viện (215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM) trong khoảng thời gian như sau: + Từ thứ Hai đến thứ Sáu: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 00 đến 16 giờ 00, trừ ngày nghỉ lễ, tết. + Thứ Bảy: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 00 đến 11 giờ 00, trừ ngày nghỉ lễ, tết. - Đảm bảo hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm được chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu trong khoảng thời gian như sau: + Vùng 1: T+1 + Vùng 2, Vùng 3, Vùng 4, Vùng 5: T+2 Trong đó, T là ngày Bên mời thầu giao bưu gửi cho nhà thầu; thời gian chuyển phát không tính ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết. - Đảm bảo hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm được hoàn trả lại Bệnh viện (215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM) nếu không thể phát được đến địa chỉ theo yêu cầu trong khoảng thời gian: + Vùng 1: T+1 + Vùng 2, Vùng 3, Vùng 4, Vùng 5: T+2 Trong đó, T là ngày nhà thầu thông báo với Bên mời thầu về việc phát không thành công và có yêu cầu hoàn trả lại Bệnh viện; thời gian chuyển phát không tính ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết.			



TT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú				
		- Đảm bảo cung cấp đầy đủ bao thư khổ A5, khổ A4 và tem gửi thư cho Bên mời thầu. - Đảm bảo chất lượng dịch vụ bưu chính theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.							
2	Cung cấp dịch vụ chuyển phát hồ sơ, tài liệu mật, khẩn gửi đi TP.Hà Nội	- Số lượng hồ sơ, tài liệu chi tiết:<table><tr><th>Khối lượng (kg)</th><th>Số lượng hồ sơ, tài liệu mật, khẩn gửi đi TP. Hà Nội (cái)</th></tr><tr><td>0.00 - 2.00</td><td>04</td></tr></table> - Đảm bảo tiếp nhận hồ sơ, tài liệu tại Bệnh viện (215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM) trong 30 phút kể từ khi nhận được thông báo của Bệnh viện. - Đảm bảo hồ sơ, tài liệu được chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu trong khoảng thời gian: + Trước 14 giờ 00 ngày sau liền kề ngày nhận hồ sơ, tài liệu từ Bệnh viện (áp dụng đối với nơi nhận thuộc Quận Hoàn Kiếm, Quận Ba Đình, Quận Tây Hồ, Quận Cầu Giấy, Quận Hai Bà Trưng, Quận Thanh Xuân, Quận Đống Đa, Quận Bắc Từ Liêm, Quận Nam Từ Liêm, Quận Hoàng Mai, Quận Long Biên của TP.Hà Nội). + Trước 16 giờ 00 ngày sau liền kề ngày nhận hồ sơ, tài liệu từ Bệnh viện (áp dụng đối với nơi nhận thuộc các quận, huyện còn lại của TP.Hà Nội). - Đảm bảo hồ sơ, tài liệu được hoàn trả lại Bệnh viện (215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM) nếu không thể phát được đến địa chỉ theo yêu cầu trong khoảng thời gian: T+1 Trong đó, T là ngày nhà thầu thông báo với Bên mời thầu về việc phát không thành công và có yêu cầu hoàn trả lại Bệnh viện; thời gian chuyển phát không tính ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết. - Có báo phát, phát tận tay người nhận (ghi nhận thông tin người nhận, thời gian nhận). - Đảm bảo cung cấp đầy đủ bao thư khổ A5, khổ A4 và tem gửi thư cho Bên mời thầu.	Khối lượng (kg)	Số lượng hồ sơ, tài liệu mật, khẩn gửi đi TP. Hà Nội (cái)	0.00 - 2.00	04	Gói	01	
Khối lượng (kg)	Số lượng hồ sơ, tài liệu mật, khẩn gửi đi TP. Hà Nội (cái)								
0.00 - 2.00	04								

TT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú														
		- Đảm bảo hồ sơ, tài liệu được bảo mật theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Đảm bảo chất lượng dịch vụ bưu chính theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.																	
3	Cung cấp dịch vụ chuyển phát hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm gửi đi nước ngoài	- Số lượng hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm chi tiết: <table border="1"> <tr> <th rowspan="2">Khối lượng (kg)</th> <th colspan="4">Số lượng hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm gửi đi nước ngoài (cái)</th> </tr> <tr> <th>Hàn Quốc</th> <th>Đài Loan</th> <th>Thái Lan</th> <th>Nhật Bản</th> </tr> <tr> <td>0.00 - 0.50</td> <td>3</td> <td>3</td> <td>2</td> <td>2</td> </tr> </table> - Đảm bảo tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm tại Bệnh viện (215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM) trong khoảng thời gian như sau: + Từ thứ Hai đến thứ Sáu: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 00 đến 16 giờ 00, trừ ngày nghỉ lễ, tết. + Thứ Bảy: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 00 đến 11 giờ 00, trừ ngày nghỉ lễ, tết. - Đảm bảo hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm được chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu trong khoảng thời gian như sau: + Hàn Quốc, Nhật Bản: T+12 + Đài Loan, Thái Lan: T+10 Trong đó, T là ngày Bên mời thầu giao bưu gửi cho nhà thầu; thời gian chuyển phát không tính ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết. - Đảm bảo hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm được hoàn trả lại Bệnh viện (215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM) nếu không thể phát được đến địa chỉ theo yêu cầu trong khoảng thời gian: + Hàn Quốc, Nhật Bản: T+12 + Đài Loan, Thái Lan: T+10 Trong đó, T là ngày nhà thầu thông báo với Bên mời thầu về việc phát không thành công và có yêu cầu hoàn trả lại Bệnh viện; thời gian chuyển phát không tính ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết.	Khối lượng (kg)	Số lượng hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm gửi đi nước ngoài (cái)				Hàn Quốc	Đài Loan	Thái Lan	Nhật Bản	0.00 - 0.50	3	3	2	2	Gói	01	
Khối lượng (kg)	Số lượng hồ sơ, tài liệu, bưu kiện, bưu phẩm gửi đi nước ngoài (cái)																		
	Hàn Quốc	Đài Loan	Thái Lan	Nhật Bản															
0.00 - 0.50	3	3	2	2															



TT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Đảm bảo cung cấp đầy đủ bao thư khổ A5, khổ A4 và tem gửi thư cho Bên mời thầu. - Đảm bảo chất lượng dịch vụ bưu chính theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông.			

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-HC ngày .../.../... của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên dịch vụ	Chi tiết kỹ thuật	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Ghi chú

Giá trên đã bao gồm: Thuế GTGT, phí xăng dầu, phí báo phát, phí phát tận tay, phí hoàn trả và các chi phí khác nếu có.

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / đến ngày / /

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)